

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Về con chung: có 02 con chung tên **Dương Thúy A**, sinh năm 1991 và **Dương Nhật K**, sinh năm 2006, hiện tại các con chung đã trưởng thành nên chỉ không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Dương Văn M** vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **M** có nơi cư trú tại **phường Đ** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **T** xin ly hôn với anh **M**, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Chị **T** có đơn xin vắng mặt; anh **M** vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị **T** chung sống với anh **M** từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã **Đ** (nay là **phường Đ**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 7 ngày 25 tháng 02 năm 1992 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị **T** cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân cho đến nay. Đối với bị đơn anh **M** từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy anh **M** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh **M** và chị **T** đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh **M** và chị **T** vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị **T** là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** đối với anh **M**.

- Về con chung: có 02 con chung tên **Dương Thúy A**, sinh năm 1991 và **Dương Nhật K**, sinh năm 2006. Hiện tại các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Ngọc T.**

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn với anh **Dương Văn M.**
2. Về án phí: Chị **Nguyễn Ngọc T** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008307 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị **T** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND tỉnh DT;
- THADS tỉnh DT;
- VKSND KV1-DT;
- Phòng THADS KV1-DT
- UBND phường Đạo Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Thừa